Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Chư Pưh
Email: ubndchupuh@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 29.11.2018 10:55:12 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1481 /UBND-NL V/v lấy ý kiến tham gia về đề nghị tỉnh xét công nhận, công bố xã Ia Le đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018	*Chư Pưh, ngày 28 tháng 11 năm 2018*

Kính gửi:
- Phòng ban, đơn vị trên địa bàn huyện;
- Các cơ quan, đoàn thể huyện;
- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới (địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020).

Căn cứ Công văn số 106/VPĐP-NTM ngày 15/11/2018 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Gia Lai về việc chuẩn bị hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Thực hiện Công văn số 107/VPĐP-NTM ngày 16/11/2018 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Gia Lai về việc chuẩn bị thẩm định 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018. Để hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình tỉnh xét công nhận, công bố xã Ia Le đạt chuẩn nông thôn mới. UBND huyện có ý kiến như sau:

1. Văn phòng HĐND-UBND huyện, Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện: chịu trách nhiệm Công bố ít nhất 03 lần danh sách xã Ia Le đủ điều kiện để xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên trang thông tin điện tử và các phương tiện phát thanh của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện.

2. UBND huyện gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí của xã Ia Le (có dự thảo báo cáo kèm theo). Đề ngị các phòng, ban, đơn vị và các đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn khẩn trương tham gia ý kiến bằng Văn bản về dự thảo Báo cáo và gửi về UBND huyện (*qua Phòng Nông nghiệp & PTNT*) trước ngày **30/11/2018**.

3. Đề nghị UBMTTQ huyện phối hợp với Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của các xã nêu trên tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo hướng dẫn của tỉnh tại Văn bản số 1026/HD-MTTQ-BTT và văn bản số 106/VPĐP-NTM. Hoàn thành và gửi hồ sơ về UBND huyện (*qua Phòng Nông nghiệp & PTNT*) trước ngày **30/11/2018**.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã và đề nghị UBMTTQVN huyện, các cơ quan đoàn thể huyện tổ chức triển khai thực hiện theo đúng thời gian quy định. Nếu phòng, ban, đơn vị, địa phương nào chậm trễ sẽ chịu trách nhiệm trước UBND huyện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (Thay B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- VP ĐP CT MTQG XD NTM huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CVNL.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tứ

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND	*Chư Pưh, ngày tháng 11 năm 2018*

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Ia Le năm 2018

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2540/QĐ-TTg, ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN – VPĐP, ngày 9/01/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UB, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 392/QĐ-UBND, ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét hồ sơ của UBND xã Ia Le tại Tờ trình số 67/TTr-UBND, ngày 07/11/2018 về việc Đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã Ia Le đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể, thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã của Đoàn thẩm tra, UBND huyện Chư Pưh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Ia Le năm 2018 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: ngày 13 /11/2018.

1. Về hồ sơ, bao gồm:

- Tờ trình số 67/TTr-UBND, ngày 07/11/2018 về việc Đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã Ia Le đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;

- Báo cáo số 137/BC-UBND ngày 31/10/2018 của UBND xã về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã đến năm 2018;

- Báo cáo số 145/BC-UBND ngày 06/11/2018 của UBND xã tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trên địa bàn xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã;

- Biên bản cuộc họp ngày 07/11/2018 của UBND xã về việc đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;

- Báo cáo số 139/BC-UBND ngày 04/11/2018 của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;

- Các hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

2.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch:

a/ Yêu cầu của tiêu chí:

+ Có Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

+ Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b/ Kết quả thực hiện:

Về công tác quy hoạch của Xã Ia Ia Le và thực hiện sự chỉ đạo của UBND huyện, năm 2017 xã đã tổ chức rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2018-2020, đã được UBND huyện phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2012 của huyện Chư Pưh và ban hành Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của huyện Chư Pưh quy chế quản lý quy hoạch xây dựng NTM.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

+ Đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa 100%;

+ Đường trục thôn, xóm được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm ≥ 70%.

+ Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa 100% trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥50%.

+ Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, tỷ lệ cứng hóa ≥70%.

b/ Kết quả thực hiện:

Trong các năm qua từ nhiều nguồn vốn đầu tư của các chương trình, dự án lồng ghép trên địa bàn xã; mặt khác, xã đã triển khai tốt công tác tuyên truyền, vận động nên được sự đồng thuận của nhân dân trên địa bàn đã hiến đất, đóng góp ngày công lao động để đầu tư nâng cấp, xây mới 87,42km đường giao thông nông thôn, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

Đến nay, xã Ia Le có 11,1km/11,1km Đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; 22,37km/26,21 km đường trục thôn, xóm được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 85,35%; đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa 53,95km/53,95km đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa 50,48km/53,95km đạt

93,57%; 28,64km/32,9km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 87,05%.

Như vậy, đến thời điểm hiện nay xã có 100 % Đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; có 85,35% đường trục thôn, xóm được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; có 100% đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, trong đó được cứng hóa đạt 93,57%; 87,05% đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên;

+ Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b/ Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn xã Ia Le, năm 2013 được đầu tư 01 công trình thủy lợi Đập Ia Blứ 4, đảm bảo tưới tiêu cho 24,2 ha/30ha, các diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn đảm bảo nguồn nước sản xuất đạt 80,67%; hàng năm xã tổ chức lễ ra quân làm thủy lợi, nạo vét kênh mương và bố chí các nguồn vốn của tỉnh, huyện để nâng cấp, tu sửa hệ thống kênh mương nội đồng nên đã khai thác và sử dụng hiệu quả công trình.

Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai của xã được kiện toàn hàng năm, năm 2018 kiện toàn Ban chỉ huy theo Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND xã. Đồng thời, xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BCH phòng chống thiên tai tại Kế hoạch số: 15/KH-UBND ngày 15/5/2018 của UBND xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BCH phòng chống thiên tai, đảm bảo đủ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo; đã thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên các đội xung kích phòng chống thiên tai nòng cốt là LLDQ và lực lượng quản lý của xã; đồng thời xây dựng kế hoạch, Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai, đảm bảo thông tin, cảnh báo thiên tai từ xã đến các thôn, làng và phương án chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về nhận lực, vật lực, phương tiện phục vụ trong công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn theo phương châm "4 tại chỗ".

Đến nay, tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 80% trở lên.

Có trên 70% người dân thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai như lốc xoáy, hạn hán được phổ biến kiến thức về PCTT

Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.

100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

Xã đã đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

Cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác phòng chống thiên tai đã được các ngành chuyên môn của tỉnh tổ chức tập huấn.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt**

2.4. Tiêu chí số 4 - Điện:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

+ Hệ thống điện đạt chuẩn;

+ Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt ≥ 98%.

b/ Kết quả thực hiện:

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm đầu tư nâng cấp của ngành điện lực; đến nay, hệ thống điện trên địa bàn xã đã đạt chuẩn, đảm bảo phục vụ cho sản xuất và dân sinh của người dân. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt trên 99,4% (2.571hộ/2.585 hộ, còn 14 hộ chưa đạt).

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.5. Tiêu chí số 5 - Trường học:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt ≥ 70%.

b/ Kết quả thực hiện:

Xã Ia Le có 04 trường: Trường Mẫu giáo 1/6; Trường tiểu học Nguyễn Văn Cừ, Kim Đồng; Trường THCS Trần Phú. Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học; trong thời gian qua Huyện đã đầu tư xây dựng mới và đưa vào hoạt động trường tiểu học Nguyễn Văn Cừ đạt chuẩn quốc gia trong năm 2013; đã đầu tư xây dựng, sửa chữa thêm các phòng học ở các điểm trường cho các ngành học, bậc học và đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy và học trên địa bàn xã.

Đến nay, xã có 4/4 trường, chiếm 100% trường học các cấp (Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, Trung học cơ sở) trên địa bàn xã có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn theo quy định.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.6. Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

+ Xã có Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa thể thao của toàn xã.

+ Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

+ Tỷ lệ thôn, làng có Nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa thể thao phục vụ cộng đồng 100%.

b/ Kết quả thực hiện:

Các cơ sở, vật chất phục vụ văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư; đã xây dựng và đưa vào hoạt động hiệu quả các công trình Nhà văn hóa xã và các nhà văn

hóa, khu thể thao văn hóa các thôn làng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa – thể thao của cộng đồng dân cư các thôn, làng trên địa bàn xã.

Đến nay, Xã có Nhà văn hóa, Hội trường đa năng, sân thể thao đảm bảo phục vụ cho các sinh hoạt văn hóa thể thao của toàn xã. Xã đã quy hoạch và được UBND huyện thành lập trung tâm Văn hóa – Thể thao theo Quyết định số: 454/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 thành lập Trung tâm Văn hóa – Thể thao, có đề án hoạt động, cơ cấu tổ chức, được UBND huyện quyết định phê duyệt và bổ nhiệm chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa – thể thao xã; UBND xã đã bổ nhiệm phó chủ nhiệm và cộng tác viên Trung tâm Văn hóa – thể thao xã, ban chủ nhiệm nhà văn hóa các thôn, làng.

Xã đã có kế hoạch bố trí kinh phí đầu tư các điểm vui chơi, giải trí và thể thao lồng ghép đáp ứng nhu cầu vui chơi của trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

Xã có 15/15 thôn, làng có nhà văn hóa được xây dựng và đưa vào sử dụng trong những năm qua. Như vậy, theo hướng dẫn, tỷ lệ thôn, làng có Nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt** .

2.7. Tiêu chí số 7 – Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là: Xã có Chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b/ Kết quả thực hiện:

Xã có 01 Chợ trung tâm xã Ia Le, đảm bảo đám ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của nhân dân trên địa bàn; Ban quản lý Chợ đã được thành lập và hoạt động hiệu quả. Hiện nay, đã triển khai thi công nâng cấp, mở rộng theo Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 04/06/2018 của UBND huyện. Quy mô đầu tư: Nhà lồng chính, công trình cấp II, 2 tầng DTXD 490 m^2, DTSD 980 m^2. Các hạng mục: Nhà giết mổ, sạp chợ trời, nhà vệ sinh chung, giếng khoan + đài nước, bể phòng cháy chữa cháy, bể xử lý nước thải, hạ tầng kỹ thuật điện, cấp nước và trang thiết bị. Tổng vốn đầu tư 9.986.957.000 đồng; trong thời gian thi công xây dựng chợ, trên địa bàn xã vẫn có chợ tạm và nhiều cửa hàng tiện lợi phục vụ mua bán, trao đổi hàng hóa.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.8. Tiêu chí số 8 –Thông tin và Truyền thông:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

+ Xã có điểm phục vụ bưu chính.

+ Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.

+ Xã có Đài Truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.

+ Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b/ Kết quả thực hiện:

Công tác thông tin và Truyền thông được xã quan tâm đầu tư và nâng cấp hàng năm để đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân và phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các vấn đề về thị trường, giá cả phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt văn hóa và sản xuất của người

dân trên địa bàn xã. Việc ứng dụng thông tin vào quản lý điều hành được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Hiện nay, xã đã có điểm phục vụ bưu chính (Bưu điện xã) từ năm 1999 đến nay theo quyết định số: 31/QĐ-BC ngày 03/3/1999 của giám đốc bưu điện tỉnh Gia Lai về việc thành lập Điểm bưu điện văn hóa xã. Hoạt động hiệu quả, đáp ứng dược nhu cầu dịch vụ bưu chính cho nhân nhân. Xã có dịch vụ điện thoại, dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet phủ sóng đến tất cả các thôn làng trên địa bàn xã.

Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa không dây đến các thôn theo giấy phép số: 205807/TTKD ngày 12/8/2013 của Cục tần số vô tuyến điện Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép sử dụng tấn số và thiết bị vô tuyến điện. UBND xã hợp đồng 01 cán bộ đài truyền thanh xã từ năm 2010 đến nay theo thông báo: 04/TB-UBND ngày 04/11/2010 của UBND xã Ia Le.

Xã đã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành: Xã có 21/21cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý điều hành, trong đó có 20/21 cán bộ công chức có chứng chỉ A tin học trở lên đạt 95,2%. Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMT TQ và các đoàn thể xã có 21 máy vi tính (có 09 máy vi tính cá nhân), 17 máy in và 20 máy tính kết nối mạng Iternet (ban chỉ huy quân sự xã không kết nối mạng). Năm 2018, UBND xã ban hành kế hoạch số: 05/KH-UBND ngày 30/01/2018 của UBND xã về ứng dụng công nghệ thông tin.

Trang thông tin điện tử thành phần của xã được liên kết trong cổng thông tin điện tử của huyện đã chuyển tải được các nội dung về tổ chức bộ máy hành chính, thông tin liên hệ của cán bộ, công chức;thông tin địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên; tin tức về hoạt động của UBND xã; thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách; thông tin về định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; cung cấp các quy trình, mẫu biểu thủ tục hành chính cấp xã.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

+ Không có nhà tạm, nhà dột nát;

+ Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định ≥ 75%.

b/ Kết quả thực hiện:

Thực hiện Chương trình 167 hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, đồng thời vận động từ nhiều nguồn khác nhau, trong những năm qua xã đã xây dựng được 74 nhà cho các hộ nghèo, gia đình chính sách, người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở để xóa nhà tạm, dột nát trên địa bàn xã.

Hiện nay, trên địa bàn xã không có nhà tạm, dột nát; 82,74% hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định (2.140 hộ/2.585 hộ).

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2018 là 35,03 triệu đồng/người/năm đối với xã khu vực I và II.

b/ Kết quả thực hiện:

Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân xã tập trung lanh đạo, chỉ đạo vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo xem đây là tiêu chí quan trọng trong 19 tiêu chí nông thôn mới. Từ đó đã nâng mức thu nhập bình quân đầu người năm 2018 đạt 35,03 triệu đồng/người/năm và được UBND huyện công nhận đạt tiêu chí thu nhập bình quân đầu người theo bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 23/10/2018.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.11. Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo

a/ Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn dưới ≤7%.

b/ Kết quả thực hiện:

Công tác giảm nghèo được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện của toàn hệ thống chính trị của xã. Hàng năm, từ các chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư của Trung ương, của tỉnh và của huyện, xã đã làm tốt việc lồng nghép hỗ trợ đầu tư về nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ nghèo để thoát nghèo bền vững.

Theo kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2017, hộ nghèo trong toàn xã điều tra theo hình thức đa chiều là 173 hộ, chiếm 6,98% được UBND huyện công nhận tại Quyết định số: 630/QĐ-UBND ngày 22/11/2017. Đến thời điểm hiện nay, UBND xã đã điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2018**:** 175hộ/2.585hộ chiếm 6,77%.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt**

2.12. Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động, đạt ≥90%.

b/ Kết quả thực hiện:

Tổng số dân trong độ tuổi lao động là 7.039 người, có khả năng tham gia lao động trên địa bàn xã là 6.461 lao động, chiếm 51,38% tổng dân số (12.574 người). Trong đó tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của xã là 91,78% (6.460người/7.039 người).

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.13.Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

+ Xã có ít nhất 01 Hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

+ Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b/ Kết quả thực hiện:

Thực hiện chủ trương của Trung ương, của tỉnh và của huyện về thành lập và phát triển các Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và phát triển các mô hình liên kết sản xuất găn với xây dựng nông thôn mới; xã đã triển khai công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích thành lập và phát triển các Hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực như: cây Hồ tiêu, cây cà phê…

Hiện nay, Xã có 01 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đoàn Kết được thành lập cuối năm 2016 và hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

Xã có 01 Mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm Hồ tiêu sạch giữa Công ty Trường Thịnh với 30 hộ dân sản xuất hồ tiêu trên địa bàn, Công ty Trường Thịnh cũng đã xây dựng dự thảo dự án cánh đồng lớn cây hồ tiêu chuyển chi Chi cục Phát triển nông thôn tham gia góp ý và sẽ hoàn chỉnh trình Sở Nông nghiệp thẩm định vào xuối năm 2018.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.14.Tiêu chí số 14 - Giáo dục & Đào tạo:

a/ Yêu cầu của tiêu chí:

+ Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) ≥70%.

+ Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo trên ≥25%.

b/ Kết quả thực hiện:

giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) năm 2018: đạt 87% (126em/145 em)

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được quan tâm, lựa chọn những ngành nghề đào tạo phù hợp với điều kiện tại địa phương, phần lớn người lao động qua đào tạo đã áp dụng được những kiến thực đã học vào sản xuất, tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 25,58% so với tổng số lao động có việc làm tại địa phương.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.15. Tiêu chí số 15 - Y tế:

a/ Yêu cầu của tiêu chí:

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ≥85%.

+ Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (Chiều cao theo tuổi) ≤31,4%.

b/ Kết quả thực hiện:

Xã đã tăng cường công tác vận động người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế; hàng năm tiến hành rà soát, cấp sổ bảo hiểm y tế kịp thời cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ người đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng bảo trợ xã hội; đến nay tổng số người tham gia bảo hiểm y tế trên

địa bàn xã là 10.699 thẻ/12.574 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 85,02% trên tổng số dân trên địa bàn xã.

Trạm Y tế xã đã được đầu tư trang bị cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của người dân và được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về công nhận 46 xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Gia Lai đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã từ năm 2015.

Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em được quan tâm thường xuyên, số trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (Chiều cao theo tuổi) là 321/1.600 trẻ em, chiếm tỷ lệ 20% so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn xã.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.16. Tiêu chí số 16 - Văn hóa:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định ≥70%.

b/ Kết quả thực hiện:

Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã đã triển khai nhiều chương trình trên lĩnh vực văn hóa mang lại hiệu quả rõ rệt, đặc biệt tập trung vào 5 nội dung theo Thông tư số 12/2011-TT-BVHTTDL, ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và Quyết định số 14/QĐ-UBND, ngày 31/7/2015 của UBND tỉnh Gia Lai. Trên cơ sở đó xã đã đăng ký và thực hiện Phong trào "TDĐKXDĐSVH"; tập trung tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa cuộc vận động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng thôn, làng văn hóa. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nếp sống văn minh được phổ biến sâu rộng dưới nhiều hình thức. Các hoạt động văn hoá thể thao quần chúng, các lễ hội truyền thống được bảo tồn, phát huy và phát triển, đời sống văn hoá, tinh thần của người dân nông thôn ngày càng được cải thiện.

Đến nay, tỷ lệ thôn, làng trên địa bàn xã đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định là: 12/15 thôn đạt 80% theo các Quyết định: số 498 ngày 17/12/2014, số: 10 ngày 08/01/2016, số 33 ngày 30/12/2016, số 02 và 03 ngày 15/01/2018 của UBND huyện Chư Pưh về công nhận và công nhận lại thôn làng văn hóa.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.17. Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm:

a/ Yêu cầu của tiêu chí:

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định ≥95% (≥50% nước sạch).

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

+ Xã có cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn. Xã có nơi mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

+ Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ≥70%.

+ Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường ≥60%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.

b/ Kết quả thực hiện:

Đến nay, trên địa bàn có 2.512hộ/2.585 hộ đạt 97,2% hộ dân cư được sử dụng nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó có 1.306hộ/2.585hộ đạt 50,51% hộ được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

Trên địa bàn xã có 257/257 cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 100%.

Có cảnh quan, môi trường cơ bản xanh - sạch - đẹp và an toàn. Có nơi mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch đã được phê duyệt. Chất thải sinh hoạt được Ban quản lý Công trình đô thị và VSMT huyện thu gom, xử lý theo quy định; Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; đã xây dựng các bể chứa thu gom và xử lý, tiêu hủy rác thải từ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 80,2% (2.072/2.585 hộ). Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 70% (447/638 hộ). Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có cam kết và tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100% (2.495/2.495 hộ), (còn 90 hộ không tham gia sản xuất kinh doanh vì hộ đi làm ăn xa, neo đơn, khuyết tật, không có khả năng lao động).

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.18. Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

a/ Yêu cầu của tiêu chí là:

+ 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

+ Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

+ Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".

+ Tổ chức chính trị- xã hội của xã đạt loại khá trở lên. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

+ Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b/ Kết quả thực hiện:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ của xã được quan tâm thực hiện thường xuyên, liên tục. Hàng năm, rà soát, quy hoạch tạo nguồn cán bộ tại địa phương để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Cử cán bộ, công chức xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình, kế hoạch của tỉnh, của huyện về sơ cấp lý luận chính trị, tin học và bồi dưỡng theo vị trí việc làm cho cán bộ, công chức cấp xã với các hình thức phù hợp để khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt của cán bộ công chức theo quy định. Đến thời điểm hiện nay, tổng số cán bộ của xã: 10/10, công chức: 11/11 đạt chuẩn theo quy định.

Xã có đủ tổ chức trong hệ thống chính trị bao gồm: Đảng uỷ, HĐND, UBND, Uỷ ban MTTQVN, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ Nữ, Hội Nông Dân, Hội Cựu chiến bình. Đối với 15 thôn, làng có đủ tổ chức bao gồm: Chi bộ, Trưởng thôn và các phó trưởng thôn, Ban Công tác Mặt trận, Chi đoàn thanh niên, Chi hội phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh thôn.

Xã đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật theo quy định của Bộ tư pháp theo Quyết định số: 564/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND huyện Chư Pưh.

Ban bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình xã đã làm tốt công tác tuyên truyền các quy định về phòng chống bạo lực gia định bằng nhiều hình thức thường xuyên, liên tục; 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật trên địa bàn xã có nhu cầu và đủ điều kiện đã được vay vốn ưu đãi; tình trạng tảo hôn được hạn chế và giảm dần qua các năm; xã có những địa chỉ, nơi tin cậy cho các nạn nhân bạo lực giới, bạo lực gia đình.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt.**

2.19. Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và an ninh:

a/ Yêu cầu của tiêu chí:

+ Xây dựng lực lượng dân quân "Vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

+ Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b/ Kết quả thực hiện:

Xã có lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên hoạt động tốt và đã hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. Tổng số LLDQ 129đ/c đạt 0,99% dân số xây dựng rộng khắp trên 15 thôn, làng. Giao quân năm 2018: 20/20 đạt 100%. Tổ chức huấn luyện, giáo dục chính trị quân số đạt 85-90%

Hàng năm, Đảng uỷ xã có xây dựng Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự; đã xây dựng các tổ an ninh thôn, làng đồng thời tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tổ chức tốt ngày Hội "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Do đó, tình hình an ninh chính trị, tình hình dân tộc, tôn giáo, văn hoá tư tưởng được giữ vững ổn định. Tình trạng phạm tội và các tệ nạn xã hội cơ bản được kiềm chế và giảm liên tục qua các năm. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo được quan tâm, không có khiếu kiện đông người, tập trung, kéo dài.

Trong năm 2018 trên địa bàn xã Ia Le không xảy ra trọng án.

c/ Kết quả thẩm tra: So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: **Đạt**.

(Cụ thể từng tiêu chí có Bảng biểu chi tiết kèm theo)

3. Về tình hình nợ đọng XDCB trong xây dựng nông thôn mới: Hiện tại xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

4. Kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của xã:

Số hộ lấy ý kiện 2.093 hộ/2.585 tổng số hộ toàn xã, chiếm 80,9%; cụ thể kết quả từng nội dung lấy ý kiến như sau:

1. Về quy hoạch, bố trí các công trình hạ tầng, khu sản xuất, khu dân cư có 1.756/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 83,89%;

2. Hệ thống giao thông tại địa phương phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất, kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm có 1.827/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 87,29%;

3. Hệ thống tưới tiêu, phục vụ sản xuất, phòng chống thiên tai có 1.684/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 80,45%;

4. Việc đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho nhân dân có 1.957/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 93,50%;

5. Chất lượng giáo dục của các trường tại xã có 1.791/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 85.57%;

6. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân, chất lượng khám chữa bệnh của trạm y tế xã có 1.849/2.093hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 88,34%;

7. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của người dân địa phương có 1.679/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 80,21%;

8. Việc hỗ trợ sản xuất, giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập có 1.869/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 89,29%;

9. Việc người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch cho sinh hoạt hàng ngày có 1.758/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 83,99%;

10. Kết quả xử lý, hạn chế ô nhiễm môi trường ở địa phương và ý thức tham gia của người dân có 1.821/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 87%;

11. Về cảnh quan, không gian sinh sống của người dân có 1.681/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 80,31%;

12. Việc lấy ý kiến người dân khi chính quyền triển khai xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân có 1.713/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 81,84%;

13. Tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội và quốc phòng tại địa phương có 1.679/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 80,21%;

14. Việc huy động sự đóng góp của nhân dân phục vụ xây dựng nông thôn mới (tiền vật chất, lao động) có 1.759/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 84,04%;

15. Việc cải cách các thủ tục hành chính ở địa phương và tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ công chức tại địa phương có 1.915/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 91,49%;

16. Vai trò chỉ đạo, quản lý của các cấp ủy Đảng, chính quyền và công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận, các đoàn thể xây dựng nông thôn mới có 1.859/2.093 hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 88,81%;

17. Sự hài lòng của ông/ bà đối với kết quả chung về xây dựng nông thôn mới tại địa phương có 1.891/2.093hộ lấy ý kiến hài lòng, chiếm 90,34%;

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ:

- Số lượng: Hồ sơ do UBND xã lập đầy đủ theo hướng dẫn tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg, ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Kết quả đánh giá thực trạng: Qua kiểm tra, rà soát lại kết quả đánh giá thực trạng của xã và mức độ đạt từng tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới cho thấy xã Ia Le đã đánh giá, phân tích được những nội dung đã làm được, những nội dung chưa hoàn thiện và đã có kế hoạch đầu tư, nâng cấp để ngày càng hoàn thiện và giữ vững các tiêu chí trong thời gian tới.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Ia Le đã được Đoàn thẩm tra huyện thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

- Một số tiêu chí xã thực hiện đã đạt chuẩn so với Bộ tiêu chí quốc gia quy định, tuy nhiên cần nâng cao chất lượng một số tiêu chí như: Tiêu chí số 2 – Giao thông, Tiêu chí số 5 – Trường học, Tiêu chí số 6 – Cơ sở vật chất văn hóa, Tiêu chí số 17 – Môi trường và An toàn thực phẩm, Tiêu chí số 18 – Hệ thống chính trị xã hội, Tiêu chí số 19 – Quốc phòng và an ninh. Đề nghị xã Ia Le cần tiếp tục triển khai thực hiện tốt chương trình, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huy động nguồn lực tập trung đầu tư để ngày càng hoàn thiện hơn. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ minh chứng theo yêu cầu để phục vụ công tác trẩm định của tỉnh.

3. Về tình hình nợ đọng XDCB trong xây dựng nông thôn mới: Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

4. Về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của xã:

Số hộ lấy ý kiến 2.093 hộ/2.585 tổng số hộ dân toàn xã, chiếm 80,9% (theo quy định từ 60% trở lên). Trong 17 nội dung lấy ý kiến, có 14 nội dung đạt trên 80% số hộ lấy ý kiến hài lòng về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã; đối với nội dung số 4, 15,17 đạt trên 90 % số hộ lấy ý kiến hài lòng.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị tỉnh tiếp tục hỗ trợ nguồn vốn trực tiếp cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới để tiếp tục đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm củng cố, hoàn thiện các tiêu chí đạt ở mức thấp và giữ vững những tiêu chí đã đạt so với Bộ tiêu chí quốc gia.

- Đề nghị Hội đồng thẩm định của tỉnh thẩm định hồ sơ xã Ia Le đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2018; đề xuất UBND tỉnh sớm công nhận và công bố xã Ia Le đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

- Yêu cầu xã Ia Le tiếp tục thực hiện đầy đủ những nội dung trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Đối với các tiêu chí đã đạt chuẩn cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân biết, phát huy,

giữ vững; những tiêu chí đã đạt nhưng mức độ đạt chưa cao cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp để ngày càng hoàn thiện và đạt chuẩn 100% so với Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là kết quả thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Ia Le năm 2018. UBND huyện Chư Pưh tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh xem xét tổ chức thẩm định để xét, công nhận và công bố xã Ia Le đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TT BCĐ XD NTM tỉnh;
- HĐ Thẩm định xã đạt chuẩn NTM tỉnh;
- CT, các PCT HĐND-UBND huyện;
- VP Điều phối CT XD NTM tỉnh;
- Các thành viên BCĐ NTM huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
của xã Ia Le, huyện Chư Pưh tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Báo cáo số: /BC- UBND ngày / 11/2018 của UBND huyện Chư Pưh)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I. QUY HOẠCH						
1	**Quy hoạch và thực hiện quy hoạch**	1.1. Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	**Giao thông**	2.1. Đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%	100% Đạt	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, xóm được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	≥ 70	85,35% Đạt	Đạt
		2.3. Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	%	100% (tỷ lệ cứng hoá ≥50%)	100% (tỷ lệ cứng hoá 93,57%) Đạt	Đạt
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	%	≥ 70	87,05% Đạt	Đạt
3	**Thủy lợi**	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	Đạt	Đạt	80,67% Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	**Điện**	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	%	≥ 98	99,4% Đạt	Đạt
5	**Trường học**	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	%	≥ 70	100% Đạt	Đạt
6	**Cơ sở văn hóa**	6.1. Xã có Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa thể thao của toàn xã.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

		6.3. Tỷ lệ thôn, làng có Nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa thể thao phục vụ cộng đồng.	%	100	100% Đạt	Đạt
7	**Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**	Xã có Chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	**Thông tin và Truyền thông**	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có Đài Truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	**Nhà ở dân cư**	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Đạt	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	%	≥ 75	82,78% Đạt	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	**Thu nhập**	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông nghiệp đến năm 2020 (triệu đồng/người).	Triệu đồng	≥ 35	35,03 Đạt	Đạt
11	**Hộ nghèo**	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020.	%	<7	6,98% Đạt	Đạt
12	**Lao động có việc làm**	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	%	≥ 90	91,78% Đạt	Đạt
13	**Tổ chức sản xuất**	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.	Có	Có	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Có	Có	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	**Giáo dục & Đào tạo**	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).	%	≥ 70	87% Đạt	Đạt
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥ 25	25,58% Đạt	Đạt
15	**Y tế**	15.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥ 85	85,02% Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (Chiều cao theo tuổi).	%	< 31,4	20% Đạt	Đạt
16	**Văn hóa**	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.	%	≥ 70	80% Đạt	Đạt

17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	%	≥95% (≥50% nước sạch)	97,2% (50,51% nước sạch) Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	%	100	100% Đạt	Đạt
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	%	≥ 70	80,2% Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	%	≥ 60	70% Đạt	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	%	100	100% Đạt	Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức tronghệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị- xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	%	100	100% Đạt	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "Vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		192. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt